TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-PT
Ngày 02 tháng 4 năm 2019
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Thẩm phán: Bà Lương Hải Yến

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*:**

Bà Vũ Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2019/QĐ - PT ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Mạnh C là bị đơn trong vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo, Tòa án không triệu tập.

(Chị M, anh C, anh T đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Mạnh C tự nguyện kết hôn ngày 23/11/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn liên quan đến vấn đề kinh tế giữa vợ chồng. Khi chị M phát hiện bị ung thư máu, ban đầu anh C còn đưa chị đi khám chữa bệnh, nhưng về sau không còn quan tâm, chăm sóc chị nữa, không chịu rút tiền tiết kiệm để chị chữa bệnh nên vợ chồng mâu thuẫn càng trầm trọng và dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị xin ly hôn anh C.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Nguyễn Thị Bảo U, sinh ngày 27/02/2007 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/10/2012. Do chị M đang phải điều trị bệnh nên chị M đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, vợ chồng chị có: Thửa đất 482 (lô 2), tờ bản đồ số 15, diện tích 128m^2 tại thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE S biển kiểm soát 17L2-0920; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kagaroo; 01 máy giặt nhãn hiệu Sanyơ; 01 két sắt; 01 quạt hơi nước nhãn hiệu Nagakawa; 01 vạn gạch đỏ; 13,5 chỉ vàng 9999 (các tài sản trên hiện do anh C đang quản lý); số tiền 299.310.000 đồng gửi bằng 03 sổ tiết kiệm tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, tên người gửi là anh Nguyễn Mạnh C; số tiền phường đã nộp, chưa lấy là 45.000.000 đồng (do ông Nguyễn Xuân H làm chủ phường) và số tiền 3.489.700 đồng chị M được Bảo hiểm xã hội huyện Hưng Hà chi trả tiền khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ngoại tỉnh, số tiền này chị đang quản lý.

Chị M đề nghị: Những tài sản chung của vợ chồng thì chia đôi, nhưng do chị M đang cần tiền để điều trị bệnh nên chị M đề nghị Tòa án cho chị được hưởng số tài sản chung bằng tiền để chị chữa bệnh.

+ Về tài sản riêng, chị M có: Số tiền 84.110.000 đồng do Báo điện tử trao tặng cho chị qua tài khoản của anh Nguyễn Văn T (là anh trai chị M) để chữa bệnh. Chị M đã dùng chữa bệnh hết 34.110.000 đồng, còn lại số tiền 50.000.000 đồng anh C đang gửi tiết kiệm tại Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hưng Hà mang tên con gái chị là Nguyễn Thị Bảo U. Chị M đề nghị anh C phải trả chị số tiền này để chị chữa bệnh; số tiền 15.000.000 đồng do Ngân hàng Sài Gòn SHB tặng và 5.000.000 đồng do Công ty May 10 huyện Hưng Hà tặng để chị chữa bệnh (chị đã dùng hết hai khoản tiền này).

+ Đối với số tiền chị M được Công ty May 10 Hưng Hà và bạn bè, hàng xóm thăm hỏi chị là 107.350.000 đồng hiện do anh C đang quản lý. Nhưng anh C chỉ thừa nhận tổng số tiền này là 84.000.000 đồng và đã chi tiêu hết trong bốn lần đưa chị đi điều trị bệnh nên chị nhất trí và không ý kiến gì.

+ Số tiền chị M tham gia bảo hiểm trong quá trình làm việc tại công ty May 10 huyện Hưng Hà (13 năm) anh C yêu cầu chị rút về để chia nhưng chị M không đồng ý.

+ Về nợ chung: Chị M xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Mạnh C trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm kết hôn đúng như chị M trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị M không minh bạch về kinh tế, giấu giếm anh về thu nhập dẫn đến việc vợ chồng xô xát, cãi chửi nhau. Tháng 5/2018 chị M phát hiện bị ung thư máu, anh đã 04 lần đưa chị đi chữa trị nhưng sau đó do phía gia đình chị M muốn lấy hết tài sản của anh nên không cho anh đưa chị M đi chữa trị nữa, mục đích chị M đòi ly hôn là để chiếm đoạt tài sản của anh. Anh C cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm nên anh đồng ý ly hôn với chị M.

+ Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung như chị M trình bày. Ly hôn anh C có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi mỗi con là 700.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: Anh C xác định những tài sản chung mà chị M trình bày là đúng. Tuy nhiên ngày 18/01/2019, anh C đã bán 0,5 chỉ vàng 9999 để chữa

bệnh cho con nên số vàng chỉ còn lại 13 chỉ. Ngoài ra vợ chồng anh còn có tài sản chung là số tiền 20.000.000 đồng (do Ngân hàng Sài Gòn SHB cho chị M 15.000.000 đồng, Công ty May 10 huyện Hưng Hà cho 5.000.000 đồng để chị M chữa bệnh), số tiền này hiện do chị M đang quản lý. Anh C đề nghị Tòa án xác định đây là tài sản chung để chia cho vợ chồng anh. Đối với số tiền mà chị M được Báo điện tử kêu gọi ủng hộ là 84.110.000 đồng thì anh quản lý 49.750.000 đồng nên anh đã thêm vào 250.000 đồng để gửi tiết kiệm, vợ chồng anh đã thống nhất số tiền này cho con gái nên đã gửi tiết kiệm mang tên con gái anh là Nguyễn Thị Bảo Uyên, anh không đồng ý chia đối với số tiền này. Số tiền còn lại là 34.360.000 đồng đang do anh T (anh trai chị M) quản lý nên anh C đề nghị Tòa án xác định đây là tài sản chung của vợ chồng để chia cho vợ chồng anh. Ngoài ra anh C xác định số tiền mà chị M tham gia bảo hiểm xã hội khi làm việc tại Công ty May 10 (trong thời gian là 13 năm) là khoảng 140.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng anh nên đề nghị chị M rút về để phân chia.

Số tiền Công ty May 10 huyện Hưng Hà và bạn bè, người thân thăm hỏi chị M khi ốm chỉ là 84.000.000 đồng là do anh trực tiếp quản lý, không phải 107.350.000 đồng như chị M trình bày. Hiện anh C đã sử dụng hết số tiền này để chữa bệnh cho chị M và sử dụng vào việc chung trong gia đình.

Anh C đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng anh theo hướng để quyền sử dụng đất cho các con chung, các tài sản còn lại chia đôi, trong đó anh xin nhận sở hữu chiếc máy giặt và chiếc xe máy.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Văn T trình bày*: Khi chị M phát hiện bị ung thư máu, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên gia đình anh nhờ báo điện tử Dân trí đăng tin kêu gọi sự hỗ trợ về tài chính của những người hảo tâm. Do vợ chồng chị M không có tài khoản ngân hàng nên nhờ anh T mở tài khoản ngân hàng để nhận tiền ủng hộ. Đợt 1, Báo điện tử Dân trí đã chuyển số tiền 78.110.000 đồng vào tài khoản của anh T và có mời anh T và anh C đến trụ sở tại Hà Nội để nhận tiền, sau khi về nhà anh T đã bàn giao toàn bộ số tiền đó cho anh C. Đợt 2, Báo điện tử Dân trí tiếp tục kêu gọi được 6.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của anh, anh đã rút tiền và đưa cho chị M ngay sau đó để chị M điều trị bệnh. Đến nay anh T không quản lý số tiền như anh C trình bày.

Theo biên bản định giá ngày 04/01/2019, kết luận: Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 145.200.000 đồng; theo xác minh giá vàng 9999, tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 3.600.000 đồng/ 1 chỉ x 13,5 chỉ = 48.600.000 đồng.

Tại bản án số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ Điều 147, Điều 165 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Mạnh C.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chúng là cháu Nguyễn Thị Bảo U, sinh ngày 27/02/2007 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 02/10/2012 cho anh Nguyễn Mạnh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C mỗi cháu mỗi tháng là 700.000 đồng, hai cháu 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 02/2019 đến khi cháu Nguyễn Thị Bảo U và cháu Nguyễn Minh Q đủ 18 tuổi. Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về chia tài sản:

3.1. Chia cho anh Nguyễn Mạnh C được quyền sử dụng thửa đất số 482 (lô 2), tờ bản đồ số 15, diện tích 128m^2 tại thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Thửa đất trên đã được UBND huyện Hưng Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 471541 ngày 04/8/2017, tên chủ sử dụng đất là anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Thị M) và sở hữu các tài sản gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE S, biển kiểm soát 17L2 - 0920; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonich; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kangaroo; 0l máy giặt nhãn hiệu Sanyơ; 01 két sắt; 01 quạt hơi nước nhãn hiệu Nagakawa; 01 vạn gạch đỏ; 13,5 chỉ vàng 9999 và số tiền đã đóng phường là 45.000.000 đồng tại 02 phường tiền do ông Nguyễn Xuân H làm chủ phường.

Tổng cộng anh C được quyền sử dụng và sở hữu khối tài sản trị giá 238.800.000 đồng.

3.2. Chia cho chị Nguyễn Thị M được quyền sở hữu tài sản là số tiền gốc và tiền lãi tại 03 sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và

Phát triển Nông thôn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, cụ thể: Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00008202538, tên khách hàng là anh Nguyễn Mạnh C, gửi ngày 13/02/2018, tiền gốc là 210.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 394.700 đồng, tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 210.394.700 đồng; sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00011695186, tên khách hàng là anh Nguyễn Mạnh C, gửi ngày 11/10/2018, tiền gốc là 42.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 489.500 đồng, tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 42.489.500 đồng: sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00009414995, tên khách hàng là anh Nguyễn Mạnh C, gửi ngày 24/4/2018, tiền gốc là 47.310.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 70.800 đồng, tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 47.380.800 đồng và số tiền chị M được Bảo hiểm xã hội huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình chi trả tiền khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ngoại tỉnh là 3.489.700 đồng (chị M đã quản lý số tiền này).

Tổng cộng chị M được sở hữu tài sản là số tiền 303.754.700 đồng.

3.3. Chị M phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh C là 32.477.350 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi đồng).

3.4. Xác định số tiền gốc và tiền lãi tại 02 số tiết kiệm có kỳ hạn của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, cụ thể: Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00011697014, tên khách hàng là Nguyễn Thị Bảo U, gửi ngày 22/10/2018, tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 20.200 đồng, tổng cả gốc và lãi là 40.020.200 đồng và sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00011697016, tên khách hàng là Nguyễn Thị Bảo U, gửi ngày 22/10/2018, tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22-01-2019 là 5.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 10.005.000 đồng là tài sản riêng của chị M nên thuộc quyền sở hữu của chị M.

3.5. Không chấp nhận yêu cầu của anh C về việc xác định số tiền 15.000.000 đồng Ngân hàng Sài Gòn SHB tặng cho chị M và số tiền 5.000.000 đồng Công đoàn tổng Công ty May 10 và xí nghiệp may Hưng Hà nơi chị M làm việc tặng cho chị M là tài sản chung của anh C và chị M. Xác định số tiền trên là tài sản riêng của chị M.

3.6. Không chấp nhận yêu cầu của anh C về việc xác định số tiền

34.360.000 đồng do báo điện tử Dân trí tặng cho chị M là tài sản chung của anh C và chị M. Xác định số tiền trên là tài sản riêng của chị M.

3.7. Không chấp nhận yêu cầu của anh C về việc yêu cầu chị M phải rút số tiền chị M đóng bảo hiểm xã hội về để phân chia.

4. Về án phí:

4.1. Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 13.563.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005280 ngày 16/11/2018 và biên lai thu tiền số 0005296 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà. Chị M còn phải nộp số tiền 7.863.000 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

4.2. Anh C phải chịu 13.863.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc anh C phải thanh toán cho chị M 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/01/2019, anh Nguyễn Mạnh C kháng cáo: Không đồng ý với bản án việc xác định các khoản tiền 50.000.000 đồng đã cho và gửi tiết kiệm cho con gái là tài sản riêng của chị M; yêu cầu anh T phải trả số tiền 34.360.000 đồng anh T đang quản lý và yêu cầu chị M phải rút tiền bảo hiểm và tiền trợ cấp thất nghiệp để nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng để phân chia; không đồng ý về cách phân chia tài sản của cấp sơ thẩm; không đồng ý chịu số tiền chi phí định giá tài sản và án phí chia tài sản chung. Tại phiên tòa phúc thẩm anh C giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Tòa án chia tài sản theo hiện vật một cách hợp lý, không thể chia cho chị M toàn bộ số tiền trong 03 tài khoản tiết kiệm mà phải chia đều số tiền và các tài sản khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thì không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu

kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh C làm trong hạn luật định nên kháng cáo là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn thấy:

[2.1] Khối tài sản chung vợ chồng anh C, chị M thống nhất gồm: Thửa đất 482 (lô 2), tờ bản đồ số 15, diện tích 128m^2 tại thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE S biển kiểm soát 17L2-0920; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kagaroo; 01 máy giặt nhãn hiệu Sanyơ; 01 két sắt; 01 quạt hơi nước nhãn hiệu Nagakawa; 01 vạn gạch đỏ; 13,5 chỉ vàng 9999; số tiền 299.310.000 đồng tiết kiệm tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; 45.000.000 đồng tiền phường và số tiền 3.489.700 đồng chị M được Bảo hiểm xã hội huyện Hưng Hà chi trả tiền khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ngoại tỉnh.

[2.2] Tài sản anh C yêu cầu Tòa án xác định là tài sản chung vợ chồng, phải chia gồm: 34.360.000 đồng do báo điện tử Dân trí tặng chị M để chữa bệnh (đang do anh T quản lý) và số tiền mà chị M tham gia Bảo hiểm xã hội tại Công ty May 10 (khoảng 140.000.000 đồng). Còn số tiền 50.000.000 đồng (là tiền được báo điện tử Dân trí ủng hộ) đang gửi tiết kiệm tại ngân hàng mang tên cháu Nguyễn Thị Bảo U vì vợ chồng anh đã cho cháu U nên vẫn tiếp tục cho cháu U, không xác định vào khối tài sản chung của vợ chồng. Chị M trình bày toàn bộ số tiền trên là tài sản riêng của chị M do các cơ quan, tổ chức ủng hộ để chị chữa bệnh nên chị M không đồng ý chia. Xét nguồn gốc các tài sản đó nêu trên đều nằm trong số tiền mà báo điện tử Dân trí tặng cho chị M (do em chị M đã kêu gọi cộng đồng xã hội để quyên góp, giúp đỡ chị M chữa bệnh). Vì vậy, cấp bản án sơ thẩm xác định đây là tài sản riêng của chị M là chính xác. Đối với khoản tiền chị M tham gia bảo hiểm y tế tại Công ty May 10, hiện tại chị M vẫn đang đóng bảo

hiểm, chưa làm chế độ gì nên không có cơ sở để xem xét đây là tài sản chung để chia theo yêu cầu của anh C.

[2.3] Xét kháng cáo về cách phân chia tài sản chung của vợ chồng thì thấy: bản án sơ thẩm đã phân chia tài sản chung của vợ chồng theo nguyên tắc chia đôi là phù hợp. Do chị M đang mắc bệnh ung thư máu, căn bệnh cần thiết phải có tiền để duy trì tình trạng sống của mình nên bản án sơ thẩm đã phân chia cho chị M được hưởng phần tài sản bằng tiền, cụ thể là số tiền 299.310.000 đồng trong ba tài khoản tiết kiệm của vợ chồng và chia cho anh C hưởng phần tài sản vừa bằng hiện vật, vừa bằng tiền. Như vậy, việc phân chia này đã đảm bảo yếu tố công bằng và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mỗi bên đương sự. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của anh C không được chấp nhận mà cần giữ nguyên về cách phân chia tài sản của bản án sơ thẩm.

[2.4] Anh C kháng cáo về việc không đồng ý chịu 1.000.000 đồng chi phí định giá tài sản và 13.863.000 đồng tiền án phí dân sự như bản án sơ thẩm đã tuyên. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định: *"Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản quy định tại khoản 1 Điều này nếu kết quả định giá chứng minh quyết định định giá tài sản của Tòa án là có căn cứ"* và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: *"Các đương sự trong vụ án hôn nhân và gia đình có tranh chấp về việc chia tài sản chung của vợ chồng thì ngoài việc chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết này, còn phải chịu án phí đối với phần tài sản có tranh chấp như đối với vụ án dân sự có giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản của họ được chia"*. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh C phải chịu án phí chia tài sản và chi phí định giá tài sản là đúng pháp luật. Tuy nhiên, khi xem xét tài sản của anh C được chia có tổng giá trị là 271.277.350 đồng x 5% = 13.563.867 đồng (làm tròn thành 13.563.000 đồng) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc anh C phải nộp 13.863.000 đồng là không đúng. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm về án phí đối với anh Nguyễn Mạnh C.

[3] Về án phí: Anh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh C. Tuy nhiên do án sơ thẩm có nhầm lẫn về số tiền án phí dân sự sơ thẩm của anh C nên cấp phúc thẩm cần sửa lại cho phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 309, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình về chia tài sản chunng vợ chồng. Cụ thể:

1.1. Chia cho anh Nguyễn Mạnh C được quyền sử dụng thửa đất số 482 (lô 2), tờ bản đồ số 15, diện tích 128m^2 tại thôn Hà Lý, xã Hùng Dũng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Thửa đất trên đã được UBND huyện Hưng Hà cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 471541 ngày 04/8/2017, tên chủ sử dụng đất là anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Thị M) và sở hữu các tài sản gồm 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVE S, biển kiểm soát 17L2 - 0920; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonich; 01 máy lọc nước nhãn hiệu Kangaroo; 0l máy giặt nhãn hiệu Sanyơ; 01 két sắt; 01 quạt hơi nước nhãn hiệu Nagakawa; 01 vạn gạch đỏ; 13,5 chỉ vàng 9999 và số tiền đã đóng phường là 45.000.000 đồng tại 02 phường tiền do ông Nguyễn Xuân H làm chủ phường.

Tổng cộng anh C được quyền sử dụng và sở hữu khối tài sản trị giá 238.800.000 đồng.

1.2. Chia cho chị Nguyễn Thị M được quyền sở hữu tài sản là số tiền gốc và tiền lãi tại 03 sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, cụ thể: Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00008202538, tên khách hàng là anh Nguyễn Mạnh C, gửi ngày 13/02/2018, tiền gốc là 210.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 394.700 đồng, tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 210.394.700 đồng; sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00011695186, tên khách hàng là anh Nguyễn

Mạnh C, gửi ngày 11/10/2018, tiền gốc là 42.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 489.500 đồng, tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 42.489.500 đồng: sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00009414995, tên khách hàng là anh Nguyễn Mạnh C, gửi ngày 24/4/2018, tiền gốc là 47.310.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 70.800 đồng, tổng cả gốc và lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 47.380.800 đồng và số tiền chị M được Bảo hiểm xã hội huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình chi trả tiền khám chữa bệnh bảo hiểm y tế ngoại tỉnh là 3.489.700 đồng (chị M đã quản lý số tiền này). Tổng cộng chị M được sở hữu tài sản là số tiền 303.754.700 đồng.

1.3 Chị M phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh C là 32.477.350 đồng (Ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi báy nghìn ba trăm năm mươi đồng).

1.4. Xác định số tiền gốc và tiền lãi tại 02 sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, cụ thể: Sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00011697014, tên khách hàng là Nguyễn Thị Bảo U, gửi ngày 22/10/2018, tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 20.200 đồng, tổng cả gốc và lãi là 40.020.200 đồng và sổ tiết kiệm có kỳ hạn mã số AC 00011697016, tên khách hàng là Nguyễn Thị Bảo U, gửi ngày 22/10/2018, tiền gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 22/01/2019 là 5.000 đồng, tổng cả gốc và lãi là 10.005.000 đồng là tài sản riêng của chị M nên thuộc quyền sở hữu của chị M.

1.5. Không chấp nhận yêu cầu của anh C về việc xác định số tiền 15.000.000 đồng Ngân hàng Sài Gòn SHB tặng cho chị M và số tiền 5.000.000 đồng Công đoàn tổng Công ty May 10 và xí nghiệp may Hưng Hà nơi chị M làm việc tặng cho chị M là tài sản chung của anh C và chị M. Xác định số tiền trên là tài sản riêng của chị M.

1.6. Không chấp nhận yêu cầu của anh C về việc xác định số tiền 34.360.000 đồng do báo điện tử Dân trí tặng cho chị M là tài sản chung của anh C và chị M. Xác định số tiền trên là tài sản riêng của chị M.

1.7. Không chấp nhận yêu cầu của anh C về việc yêu cầu chị M phải rút số tiền chị M đóng bảo hiểm xã hội về để phân chia.

2. Giữ nguyên quyết định về án phí và chi phí định giá tài sản của bản án sơ thẩm đối với chị M, chi phí định giá tài sản đối với anh C; sửa phần án phí dân sự có giá ngạch đối với anh C, cụ thể:

2.1. Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 13.563.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 6.300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005280 ngày 16-11-2018 và biên lai thu tiền số 0005296 ngày 04-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà. Chị M còn phải nộp số tiên 7.863.000 đồng (Bảy triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

2.2. Anh C phải chịu 13.563.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự có giá ngạch.

2.3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh C phải thanh toán cho chị M 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Mạnh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh C đã đã nộp tại biên lai số 0005356 ngày 25/01/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí dân sự sơ thẩm cho anh C.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;*
- *Tòa án, Thi hành án huyện Hưng Hà;*
- *Ủy ban nhân dân xã H, h. H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hà